TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2019/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 9 năm 2019
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Quốc Quân

2. Ông Cầm Văn Tổ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan H - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2019 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2019/QĐST – HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H. Sinh năm: 1993. Địa chỉ: Bản C, xã H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Bị đơn: Anh Mai Văn T. Sinh năm: 1991. Nơi ĐKNKTT: Tiểu khu 10, xã H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Tạm trú: Bản B, xã H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 5 năn 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày như sau:

Chị và anh Mai Văn T kết hôn với nhau từ năm 2012 do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 24/10/2012. Anh chị có được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc

được một thời gian khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh chị không có con. Qua đi khám được xác định là do anh T. Mặc dù bản thân chị cũng đã lỗ lực tìm cách để chữa chị cho chồng nhưng anh T không tích cực và có những biểu hiện tiêu cực như không chịu làm, thường xuyên tụ tập bạn bè uống rượu chè. Vợ chồng có nói nhau thì anh T bỏ đi mà không về, sống không có trách nhiệm. Không những vậy, anh T còn mang tài sản của gia đình đi cầm cố, thế chấp để lấy tiền tiêu xài cá nhân riêng. Chị đã nhiều lần khuyên bảo anh nhưng không được nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh chị bắt đầu sống ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Đến nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng từ phía chị và anh T đều không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn.

Về con chung: Anh chị không có con chung

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: không có tài sản chung, nợ chung nên chị không đề nghị tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần gửi giấy triệu tập yêu cầu anh Mai Văn T đến Tòa án để làm việc. Tuy nhiên, anh T vắng mặt không có lý do, không gửi bản tự khai cho Tòa án, cũng không đề nghị Tòa án lấy lời khai.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng chị H, anh T tại đại diện bản B, xã H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La và xác minh với mẹ đẻ của anh T là bà Phạm Thị N. Kết quả xác minh như sau: đại diện bản B cho biết thời gian gần đây thấy chị H chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở một thời gian, không thấy sống cùng anh T và bố mẹ chồng nữa. Còn lý do cụ thể vì sao thì ông không nắm được. Bà N thì cho biết nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa H và T là do H có tình cảm với người khác.

Do anh T vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án nên vụ án thuộc T hợp không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đường lối giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định: Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Mai Văn T. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ngày 16/5/2019, chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Mai Văn T, nơi cư trú: Bản B, xã H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án Hôn nhân gia đình số 79/TLST-HNGĐ ngày 20/5/2019 với quan hệ pháp luật tranh chấp xin ly hôn là đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn đã gửi thông báo thụ lý, giấy triệu tập cho anh Mai Văn T qua mẹ đẻ anh T là bà Phạm Thị N và chính quyền địa pH. Qua xác minh anh T đã nhận được các thông báo và giấy triệu tập của Tòa án nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Do vậy, tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc xét xử, trước khi mở phiên tòa, Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết công khai các quyết định xét xử, giấy triệu tập, quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh T tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa không có lý do lần thứ 2 liên tiếp. Căn cứ khoản 3, khoản 5 điều 177, Điều 179, Điều 228 Bộ luật dân sự 2015, thì Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là anh Mai Văn T và thực hiện thủ tục xét xử vắng mặt anh Mai Văn T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Anh Mai Văn T và chị Nguyễn Thị H tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2012, anh chị đã được UBND xã H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/10/2012. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh chị không có con. Qua đi khám được xác định là do anh T. Mặc dù bản thân chị cũng đã lỗ lực tìm cách để chữa chị cho chồng nhưng anh T không tích cực và có những biểu hiện tiêu cực như không chịu làm, thường xuyên tụ tập bạn bè uống rượu chè,vợ chồng có nói nhau thì anh T bỏ đi mà không về, sống không có trách nhiệm. Không những vậy, anh T còn mang tài sản của gia đình đi cầm cố, thế chấp để lấy tiền tiêu xài cá nhân riêng. Chị đã nhiều lần khuyên bảo anh nhưng không được. Qua xác

minh đối với bà Phạm Thị N thì được biết mâu thuẫn vợ chồng còn xuất phát từ vấn đề tình cảm vợ chồng, chị H không còn chung thủy với chồng. Với những lý do trên, anh chị sống ly thân từ cuối năm 2017 đến nay không ai quan tâm đến ai. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung: Anh chị không có con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị H đều xác nhận không có tài sản chung và nợ chung và không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

[2.4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 228; Điều 147; Điều 266; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Mai Văn T.

2. Về con chung: chị H và anh T không có con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị H xác nhận không có tài sản chung, nợ chung va không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002172 ngày 20 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Thị Thanh Nga

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 16 tháng 9 năm 2019.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phùng Quốc Quân

2. Ông Cầm Văn Tổ

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 79/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2019 về xin ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H. Sinh năm: 1993. Địa chỉ: Bản C, xã H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Bị đơn: Anh Mai Văn T. Sinh năm: 1991. Nơi ĐKNKTT: Tiểu khu 10, xã H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Tạm trú: Bản B, xã H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về điều luật áp dụng

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 228; Điều 147; Điều 266; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

2. Việc giải quyết vụ án

2.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Mai Văn T.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

2.2. Về con chung: Chị H và anh T không có con chung.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H xác nhận không có tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

3. Về án phí.

Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002172 ngày 20 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

4. Những vấn đề khác

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 05 tháng 4 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN –**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA